

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NA HANG
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2021/HNGĐ-ST

Ngày 24 tháng 6 năm 2021

Về: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Nhâm và ông Hoàng Văn Lang

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 26/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2021, về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Bế Văn L**, sinh năm 1987

Nơi ĐKKHKT: Thôn BG, xã TN, huyện NH, tỉnh TQ; tạm trú: Thôn TT, xã YH, huyện NH, tỉnh TQ. Có mặt

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1987

Nơi ĐKKHKT: Thôn BG, xã TN, huyện NH, tỉnh TQ; tạm trú: Thôn TT, xã YH, huyện NH, tỉnh TQ. Có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Bế Văn L trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị L qua thời gian tự nguyện tìm hiểu đã đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TN, huyện NH, tỉnh TQ vào ngày 19/3/2018. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi, chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và kinh tế, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống cùng nhau nhưng không có hạnh phúc, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, thực tế vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 10/2020 cho đến nay. Trong suốt quá trình sống ly thân hai vợ chồng không gặp nhau, không liên lạc với nhau và cũng không có quan hệ gì về tình cảm cũng như kinh tế.

Tại phiên tòa anh L xác định mâu thuẫn giữa anh và chị L đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị L theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị Nguyễn Thị L sinh được 01 con chung là cháu: Bé Chấn K, sinh ngày 26/6/2018. Anh L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung, không đề nghị chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra anh L không trình bày ý kiến gì khác.

Tại bản tự khai, biên bản ghi lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị và anh Bé Văn L qua thời gian tự nguyện tìm hiểu đã đi đến kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TN, huyện NH, tỉnh TQ vào ngày 19/3/2018. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra nhiều mâu thuẫn, cãi, chửi nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và kinh tế, vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng sống cùng nhau nhưng không hạnh phúc, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, thực tế vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 10/2020 cho đến nay.

Nay chị L xác định mâu thuẫn giữa chị và anh L đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh L đề nghị xin ly hôn chị cũng nhất trí ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị và anh Bé Văn L có 01 con chung là cháu: Bé Chấn K, sinh ngày 26/6/2018. Chị L đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Bé Chấn K không đề nghị anh L cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung; nợ chung: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng : Toà án đã thụ lý, giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Toà án xác định tư cách đương sự và tiến hành các thủ tục tố tụng khác theo đúng trình tự pháp luật quy định kể từ ngày thụ lý đến ngày xét xử sơ thẩm, các phần tiến hành tố tụng tại phiên tòa sơ thẩm đã được Hội đồng xét xử tiến hành theo đúng trình tự, đúng quy định pháp luật.

- Về hướng giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 51, 55, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bé Văn L và chị Nguyễn Thị L.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, giao con chung là cháu Bé Chấn K, sinh ngày 26/6/2018 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị L.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Anh Bé Văn L và chị Nguyễn Thị L cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên không xem xét.

+ Về án phí: Căn cứ các Điều 143, 144, 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc anh Bé Văn L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định.

Về việc giao nộp tài liệu chứng cứ: Nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án các tài liệu gồm: Giấy chứng nhận kết hôn (Bản chính); Sổ hộ khẩu (Bản sao có chứng thực); Giấy chứng minh nhân dân mang tên Bé Văn L và Nguyễn Thị L (bản phô tô); Giấy khai sinh mang tên Bé Chấn K (Bản sao có chứng thực).

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của nguyên đơn; bị đơn; tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tiến hành xác minh tại thôn BG, xã TN, huyện NH; xác minh tại thôn TT, xã YH, huyện NH; xác minh tại Công an xã YH, huyện NH; xác minh tại thôn BT, xã YC, huyện BM, tỉnh HG; xác minh đối với ông Nguyễn Văn Th và bà Nguyễn Thị L.

Tòa án đã tiến hành hòa giải cho các bên đương sự nhưng các đương sự không thống nhất được việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án nên Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Anh Bé Văn L và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TN, huyện NH, tỉnh TQ là hôn nhân hợp pháp; anh L khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với chị L và đề nghị giải quyết việc giao nuôi con chung khi ly hôn nên xác định đây là vụ án “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”; bị đơn chị Nguyễn Thị L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã TN, huyện NH, tỉnh TQ và tạm trú tại xã YH, huyện NH, tỉnh TQ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ lời khai của các đương sự; kết quả xác minh, thu thập chứng cứ có cơ sở xác định: Anh Bé Văn L và chị Nguyễn Thị L kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã TN, huyện NH, tỉnh TQ là hôn nhân hợp pháp, đúng thực tế. Quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, thực tế vợ chồng đã không sống chung cùng nhau từ tháng 10/2020 cho đến nay.

Cả anh L và chị L cùng xác định đến nay cuộc sống chung của hai vợ chồng trên thực tế đã không tồn tại, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng không thể hàn gắn được, trong suốt quá trình sống ly thân hai vợ chồng cũng không có cách thức, biện pháp gì khắc phục mâu thuẫn gia đình, cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ, mục đích hôn nhân không đạt được nên cả hai đều nhất trí thuận tình ly hôn. Vì vậy HĐXX cần công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh L và chị L là phù hợp với Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh L, chị L sinh được 01 con chung là cháu Bé Chấn K, sinh ngày 26/6/2018, cả hai đương sự đều đề nghị được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu bên còn lại cấp dưỡng. HĐXX xét thấy, nguyện vọng nuôi con của cả hai bên đương sự khi ly hôn đều có căn cứ nên cần xem xét điều kiện bên nào đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho cháu K cũng phù hợp với các quy định của pháp luật.

Tính đến thời điểm xét xử cháu Bé Chấn K chưa đủ 36 tháng tuổi, tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định *“Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi, trừ trường hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con”*.

Theo kết quả xác minh tại thôn BG, xã TN, huyện NH; xác minh tại thôn TT, xã YH, huyện NH và xác minh tại thôn BT, xã YC, huyện BM, tỉnh HG, thể hiện: Hiện nay chị L và cháu K đang sinh sống tại thôn BT, xã YC, huyện BM, tỉnh HG, bố mẹ đẻ chị L đều đã chết có để lại cho chị L 01 nhà sàn 03 gian trên diện tích đất ở khoảng 150m², ngoài ra còn có đất trồng lúa, đất trồng cây lâu năm, đất trồng cây hàng năm để canh tác, ngoài công việc làm nông nghiệp chị L còn làm phiên dịch cho các công ty (phiên dịch tiếng Trung Quốc), mỗi tháng đi làm khoảng 02 - 03 lần, mỗi lần đi khoảng 3 - 4 ngày mức thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng đảm bảo chi tiêu cho bản thân và việc nuôi con; chị L còn xuất trình hợp đồng mua bán đất với ông Nguyễn Văn Thắng và bà Nguyễn Thị Lai, chị L xác định diện tích đất trên là chị tự mua, sau khi ly hôn chị sẽ làm nhà để hai mẹ con ở. Đối với anh L quá trình giải quyết vụ án khai nghề nghiệp là sửa xe ô tô; xác minh tại thôn TT, xã YH cũng xác định anh L ở nhà sửa chữa xe ô tô nhưng công việc không đều, thu nhập không ổn định tại phiên tòa anh L có xuất trình Giấy xác nhận thu nhập tại Công ty cổ phần khoáng sản Minh Sơn với mức thu nhập hàng tháng là 10.000.000 đồng.

So sánh về điều kiện chỗ ở thì anh L cũng không đảm bảo điều kiện về chỗ ở để nuôi con; anh L khai đi làm cả tháng tại Công ty cổ phần khoáng sản Minh Sơn, tại Thành phố Hà Giang, tỉnh Hà Giang vì vậy sẽ không có thời gian trực tiếp chăm sóc con; theo anh L trình bày có mức thu nhập cao hơn chị L, nhưng việc giao con cho ai chăm sóc nuôi dưỡng không phụ thuộc hoàn toàn vào mức thu nhập của người trực tiếp nuôi dưỡng vì nếu người trực tiếp nuôi dưỡng có mức thu nhập

thấp hơn thì có thể yêu cầu bên kia cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện nay cháu K đang ở cùng chị L vẫn được tạo điều kiện phát triển đầy đủ về mọi mặt, chị L vẫn đảm bảo về điều kiện chỗ ở cũng như kinh tế để nuôi con chung; giữa chị L và anh L cũng không có thỏa thuận khác về việc nuôi con; cháu K hiện nay còn nhỏ giao cho mẹ chăm sóc sẽ phù hợp hơn.

Do vậy, để đảm bảo điều kiện về mọi mặt cũng như sự phát triển toàn diện của cháu K cần giao cháu Bé Chấn K cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục là phù hợp với thực tế cũng như phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình. Do chị L không đề nghị anh L cấp dưỡng nên anh L không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi lợi về mọi mặt của con và các đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Quá trình giải quyết anh Bé Văn L và chị Nguyễn Thị L cùng xác định không có, không đề nghị Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định; các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 235, 238, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 51, 55, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” của anh Bé Văn L.

1. Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Bé Văn L và chị Nguyễn Thị L. Quan hệ hôn nhân giữa anh L và chị L chấm dứt kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Bé Chấn K, sinh ngày 26/6/2018 cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Bé Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi

đường, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Anh Bế Văn L phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh L đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002261, ngày 12/5/2021, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Na Hang, anh Bế Văn L đã nộp đủ tiền án phí.

Chị Nguyễn Thị L không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- Chi cục THADS huyện Na Hang;
- UBND xã TN (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Mạnh Hồng

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Văn Lang

Nguyễn Đức Nhâm

Vũ Mạnh Hồng

Nơi nhận:

- TAND Tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Na Hang;
- UBND Khâu Tinh;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Triệu Ngọc Thức

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lương Quang Toán

Đỗ Mai Sơn

Triệu Ngọc Thúc

.